

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BÀ RỊA – VŨNG TÀU
ĐỀ THI THAM KHẢO

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN THI: ĐỊA LÍ

(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Trung du và miền núi Bắc Bộ **không** có thế mạnh về khai thác

- A. quặng kim loại. B. các loại đá. C. dầu và khí. D. quặng phi kim.

Câu 2: Ở nước ta hiện nay, hoạt động khai thác hải sản đang được đẩy mạnh ở

- A. vùng biển xa bờ. B. vùng biển ven bờ. C. những đầm phá. D. tại các sông lớn.

Câu 3: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng về hoạt động nội thương của nước ta hiện nay?

- A. Mạng lưới phân bố rộng khắp. B. Tập trung chủ yếu ở miền núi.
C. Thương mại điện tử phát triển. D. Đã thu hút được vốn nước ngoài.

Câu 4: Ở nước ta hiện nay, số lượt khách du lịch trong nước ngày càng tăng chủ yếu do

- A. tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng. B. mức sống của người dân ngày càng tăng.
C. cơ sở hạ tầng du lịch ngày càng hoàn thiện. D. đẩy mạnh sự quảng bá của ngành du lịch.

Câu 5: Cảng nước sâu nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Cái Mép. B. Vũng Áng. C. Nghi Sơn. D. Dung Quất.

Câu 6: Công nghiệp sản xuất đồ uống của nước ta phân bố chủ yếu ở

- A. đô thị lớn. B. trung du. C. ven biển. D. nông thôn.

Câu 7: Nguồn lao động nước ta hiện nay có đặc điểm

- A. phân bố đồng đều. B. năng suất rất cao. C. cần cù và sáng tạo. D. chất lượng rất cao.

Câu 8: Các đô thị nước ta hiện nay

- A. phát triển rộng khắp. B. thừa thớt ở đồng bằng.
C. dày đặc ở vùng đồi núi. D. chưa có ở các hải đảo.

Câu 9: Đồng bằng sông Hồng là vùng có

- A. mật độ dân số thấp. B. số lượng dân đông. C. tỉ lệ nông thôn nhỏ. D. nguồn lao động ít.

Câu 10: Hai vùng chuyên canh cây lương thực lớn nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.
B. Trung du miền núi Bắc Bộ, Duyên hải miền Trung.

C. Đồng bằng sông Cửu Long và vùng Bắc Trung Bộ.

D. Đồng bằng sông Hồng, Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 11: Vùng đất của nước ta bao gồm phần đất liền và

2 A. vùng nội thủy. B. thềm lục địa. C. các hải đảo. D. đảo ven bờ.

Câu 12: Trong các tuyến đường quốc lộ sau, tuyến nào theo chiều bắc - nam?

A. Quốc lộ 9. B. Quốc lộ 1. C. Quốc lộ 7. D. Quốc lộ 8.

Câu 13: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa **không** đem lại thuận lợi nào sau đây đối với phát triển kinh tế?

A. Là cơ sở hình thành nhiều loại hình du lịch khác nhau.

B. Tạo nên sự đa dạng trong cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

C. Tăng hiệu quả trồng rừng, phục hồi độ che phủ rừng.

D. Giúp cho năng suất, chất lượng nông sản luôn ổn định.

Câu 14: Dải đồng bằng ven biển của Bắc Trung Bộ thuận lợi để phát triển

A. chăn nuôi đại gia súc và khai thác lâm sản. B. khai thác hải sản, xây dựng các cảng biển.

C. cây ăn quả và các cây công nghiệp lâu năm. D. cây lương thực, cây công nghiệp hàng năm.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây đúng về phát triển vùng ở nước ta hiện nay?

A. Thành lập bốn vùng kinh tế trọng điểm. B. Ngành du lịch được chia làm tám vùng.

C. Cả nước có bảy vùng kinh tế - xã hội. D. Cả nước có tất cả sáu vùng nông nghiệp.

Câu 16: Nguyên nhân quan trọng nhất làm cho Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất cả nước là

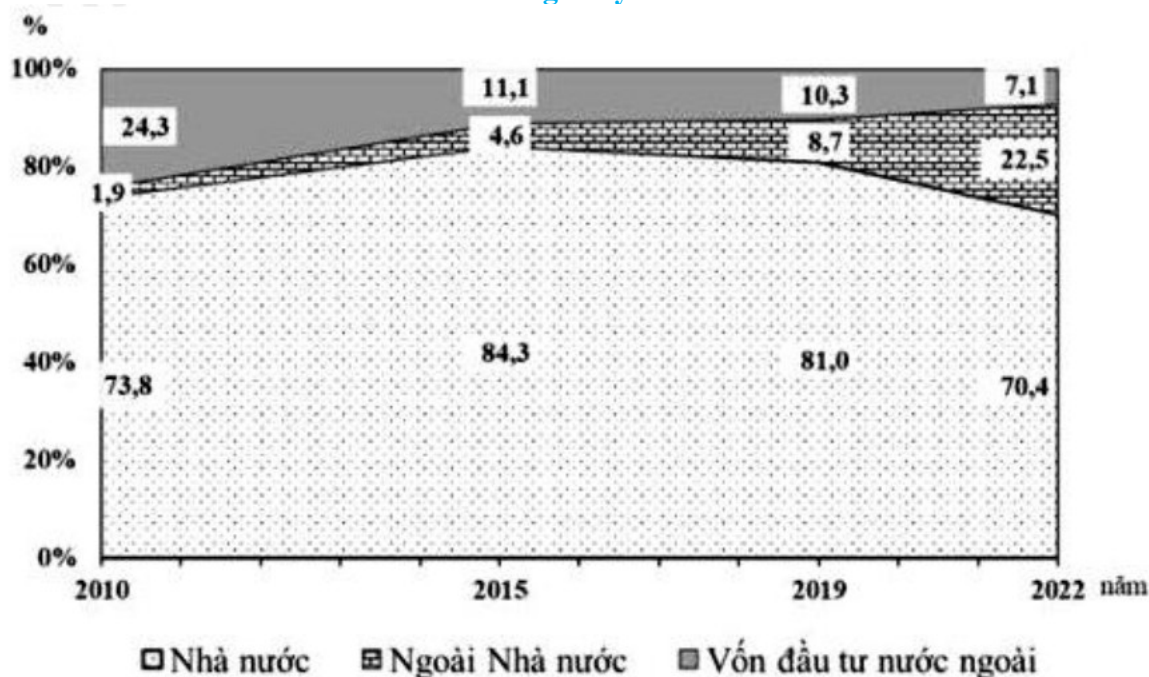
A. vị trí địa lý thuận lợi, khí hậu ôn hòa, có diện tích đất phù sa màu mỡ.

B. trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao, công nghiệp, dịch vụ phát triển.

C. lịch sử khai thác lâu đời, giao thông hoàn thiện, nông nghiệp phát triển.

D. có địa hình bằng phẳng, nguồn nước rất dồi dào, thâm canh lúa nước.

Câu 17: Cho biểu đồ sau:



Cơ cấu sản lượng điện phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 - 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, 2023. Nxb Thống kê năm 2024)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Tỉ trọng khu vực vốn đầu tư nước ngoài và Ngoài nhà nước giảm.
- B. Vào năm 2022, khu vực ngoài Nhà nước chiếm tỉ trọng nhỏ nhất.
- C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất.
- D. Khu vực Nhà nước luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất ở giai đoạn trên.

Câu 18: Trở ngại lớn trong sử dụng tự nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. nhịp điệu mùa của khí hậu, sông ngòi thất thường, thời tiết không ổn định.
- B. bão, lũ, trượt lở đất, hạn hán, gió phơn khô nóng diễn ra thường xuyên,
- C. tình trạng xói mòn, rửa trôi đất, thiếu nước nghiêm trọng về mùa khô.
- D. nạn cát bay, cát cháy lấn chiếm đồng ruộng, làm hoang mạc hóa đất đai.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Nước ta có nhiều lợi thế để phát triển giao thông vận tải đường biển. Trong thời gian gần đây, do kinh tế phát triển và quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng nên giao thông vận tải đường biển được chú trọng đầu tư và phát triển nhanh chóng. Các cảng được xây dựng mới, nâng cấp theo hướng hiện đại

về phương tiện vận tải và năng lực quản lí. Trên cả nước đã hình thành nhiều cảng biển quan trọng, ngoài các tuyến vận tải nội địa, còn hình thành nhiều tuyến vận tải quốc tế.

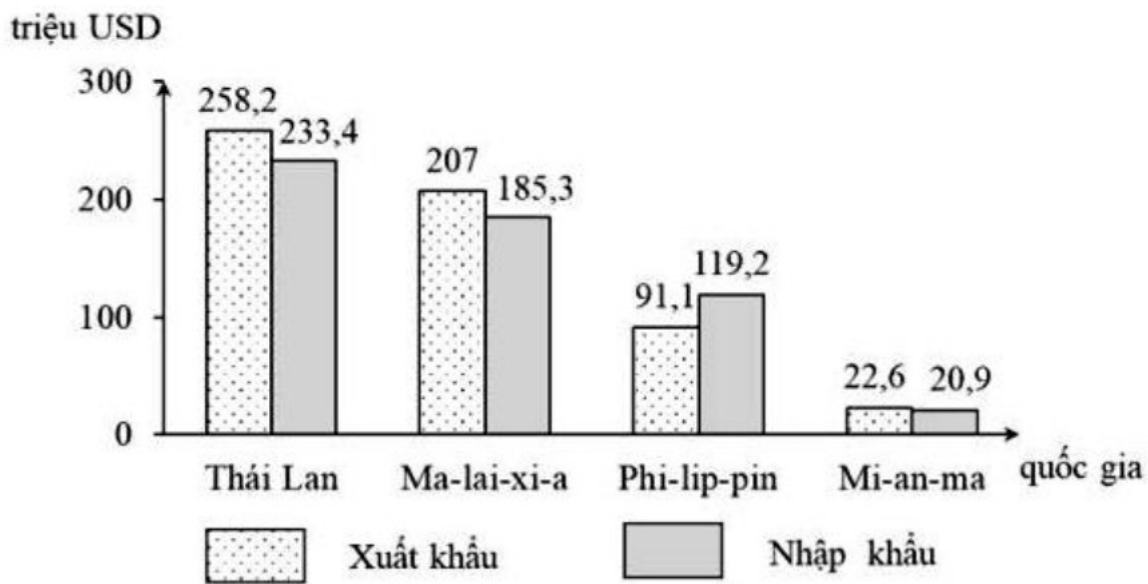
a) Việt Nam đã thiết lập mạng lưới đường biển quốc tế đi đến tất cả các cảng biển của các nước trên thế giới.

b) Đường bờ biển dài, nhiều vũng vịnh, gần các tuyến đường vận tải biển quốc tế tạo thuận lợi cho nước ta phát triển giao thông vận tải biển.

c) Các cảng biển quan trọng của nước ta hiện nay là Hải Phòng, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh.

d) Sự phát triển của hệ thống đường sắt và đường bộ đã góp phần vào sự phát triển ngày càng mạnh hơn của hệ thống vận tải đường biển.

Câu 2: Cho biểu đồ sau:



4

Biểu đồ trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của một số quốc gia năm 2022

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

a) Giá trị xuất khẩu của Mi-an-ma lớn hơn giá trị xuất khẩu của các nước còn lại.

b) Cán cân thương mại của Ma-lai-xi-a năm 2022 đạt âm 21,7 triệu USD.

c) Thái Lan, Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin đều là những nước xuất siêu.

d) Tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của Thái Lan lớn gấp 11,3 lần so với Mi-an-ma.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Trong những năm gần đây ngành công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng đã phát triển nhanh chóng. Tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp năm 2020 và 2021 so với cả nước lần lượt là 36,1% và 37,9%, trong khi đó một vùng có công nghiệp phát triển mạnh khác như Đông Nam Bộ chỉ chiếm 33,8% và

31%. Công nghiệp phát triển giúp đẩy nhanh sự tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và giải quyết tốt những vấn đề do sức ép dân số gây nên. Tuy nhiên cũng cần hạn chế các hậu quả do nó gây nên.

a) Giá trị sản xuất công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng năm 2020 và 2021 đứng đầu trong các vùng của cả nước.

b) Công nghiệp phát triển nhanh đã giúp giải quyết tốt những vấn đề nảy sinh về lao động và việc làm do đặc điểm của nền nông nghiệp lúa nước gây ra.

c) Hiện nay, sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu dựa trên các lợi thế về tài nguyên thiên nhiên.

d) Trong giai đoạn tiếp theo, định hướng chính của vùng là đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động để giải quyết tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm, hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Đặc điểm chung của địa hình là núi xen kẽ thung lũng sông theo hướng tây bắc – đông nam, lan sát ra phía biển, trong khi đồng bằng chủ yếu là hẹp ngang, ven biển có nhiều cồn cát đầm phá. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, có mùa đông nhưng ngắn và ít sâu sắc, mùa mưa có sự phân hóa theo chiều bắc - nam.⁵

a) Phía Bắc của miền có mưa tập trung vào mùa hạ, phía nam của miền có mưa tập trung về thu đông.

b) Miền có mùa đông ngắn ít sâu sắc hơn là do sự suy giảm của gió mùa Đông Bắc khi xuống phía nam và qua các dãy núi cao.

c) Nội dung trên thể hiện đặc điểm của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

d) Thực vật của miền chủ yếu là các loài cận nhiệt và ôn đới như các cây lãnh sam, thiết sam, tre và trúc lùn.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 57,7 tỉ USD, trong khi đó kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc về Việt Nam đạt 117,8 tỉ USD. Hãy cho biết cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo địa phương năm 2022

	Cả nước	Đồng bằng sông Hồng	Đông Nam Bộ
--	---------	---------------------	-------------

Khối lượng hàng hóa vận chuyển (triệu tấn)	1968,1	737,6	358,8
---	--------	-------	-------

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2023, Nxb Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng hàng hóa vận chuyển của vùng Đồng bằng sông Hồng trong tổng khối lượng hàng hóa của cả nước lớn hơn vùng Đông Nam Bộ bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Số giờ nắng các tháng năm 2023 tại trạm quan trắc Cà Mau

(Đơn vị: giờ)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Số giờ nắng	115,3	163,5	266,3	213,1	182,6	141,7	105,5	220,9	89,1	145,1	112,4	161,2

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng số giờ nắng năm 2023 tại trạm quan trắc Cà Mau là bao nhiêu giờ (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng năm 2023 tại một số trạm quan trắc

(Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Trạm	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Tuyên Quang	16,9	20,4	22,3	25,5	29,1	29,8	30,4	28,6	28,3	26,2	22,8	19,0
Quy Nhơn	23,2	24,7	25,5	28,4	29,8	30,7	30,3	31,4	29,9	28,1	26,6	25,4

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết chênh lệch về biên độ nhiệt trung bình năm giữa trạm quan trắc có biên độ nhiệt độ trung bình cao với trạm quan trắc có biên độ nhiệt độ trung bình năm thấp là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5: Năm 2022, nước ta có số dân nam là 49 586,9 nghìn người, số dân nữ là 49 881,0 nghìn người. Hãy cho biết tỉ số giới tính của dân số nước ta là bao nhiêu nam/100 nữ (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Diện tích rừng của nước ta giai đoạn 2010 - 2022

Năm	2010	2022
Tổng diện tích rừng (km ²)	133.900	147.901
Diện tích đất tự nhiên (km ²)	331.000	331.000

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2023; Nxb Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết độ che phủ rừng của nước ta năm 2022 tăng lên bao nhiêu

% so với năm 2010 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

7

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BÀ RỊA – VŨNG TÀU
ĐỀ THI THAM KHẢO**

**KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN THI: ĐỊA LÍ**

(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề)

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Trung du và miền núi Bắc Bộ **không** có thể mạnh về khai thác

- A. quặng kim loại. B. các loại đá. C. dầu và khí. D. quặng phi kim.

Câu 2: Ở nước ta hiện nay, hoạt động khai thác hải sản đang được đẩy mạnh ở

- A. vùng biển xa bờ. B. vùng biển ven bờ. C. những đầm phá. D. tại các sông lớn.

Câu 3: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng về hoạt động nội thương của nước ta hiện nay?

- A. Mạng lưới phân bố rộng khắp. B. Tập trung chủ yếu ở miền núi.
C. Thương mại điện tử phát triển. D. Đã thu hút được vốn nước ngoài.

Câu 4: Ở nước ta hiện nay, số lượt khách du lịch trong nước ngày càng tăng chủ yếu do

- A. tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng. B. mức sống của người dân ngày càng tăng.
C. cơ sở hạ tầng du lịch ngày càng hoàn thiện. D. đẩy mạnh sự quảng bá của ngành du lịch.

Câu 5: Cảng nước sâu nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Cái Mép. B. Vũng Áng. C. Nghi Sơn. D. Dung Quất.

Câu 6: Công nghiệp sản xuất đồ uống của nước ta phân bố chủ yếu ở

- A. đô thị lớn. B. trung du. C. ven biển. D. nông thôn.

Câu 7: Nguồn lao động nước ta hiện nay có đặc điểm

- A. phân bố đồng đều. B. năng suất rất cao. C. cần cù và sáng tạo. D. chất lượng rất cao.

Câu 8: Các đô thị nước ta hiện nay

- A. phát triển rộng khắp. B. thừa thớt ở đồng bằng.
C. dày đặc ở vùng đồi núi. D. chưa có ở các hải đảo.

Câu 9: Đồng bằng sông Hồng là vùng có

- A. mật độ dân số thấp. B. số lượng dân đông. C. tỉ lệ nông thôn nhỏ. D. nguồn lao động ít.

Câu 10: Hai vùng chuyên canh cây lương thực lớn nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.
B. Trung du miền núi Bắc Bộ, Duyên hải miền Trung.
C. Đồng bằng sông Cửu Long và vùng Bắc Trung Bộ.
D. Đồng bằng sông Hồng, Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 11: Vùng đất của nước ta bao gồm phần đất liền và

- 2 A. vùng nội thủy. B. thềm lục địa. C. các hải đảo. D. đảo ven bờ.

Câu 12: Trong các tuyến đường quốc lộ sau, tuyến nào theo chiều bắc - nam?

- A. Quốc lộ 9. B. Quốc lộ 1. C. Quốc lộ 7. D. Quốc lộ 8.

Câu 13: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa **không** đem lại thuận lợi nào sau đây đối với phát triển kinh tế?

- A. Là cơ sở hình thành nhiều loại hình du lịch khác nhau.
B. Tạo nên sự đa dạng trong cơ cấu cây trồng, vật nuôi.
C. Tăng hiệu quả trồng rừng, phục hồi độ che phủ rừng.
D. Giúp cho năng suất, chất lượng nông sản luôn ổn định.

Câu 14: Dải đồng bằng ven biển của Bắc Trung Bộ thuận lợi để phát triển

- A. chăn nuôi đại gia súc và khai thác lâm sản. B. khai thác hải sản, xây dựng các cảng biển.
C. cây ăn quả và các cây công nghiệp lâu năm. D. cây lương thực, cây công nghiệp hàng năm.

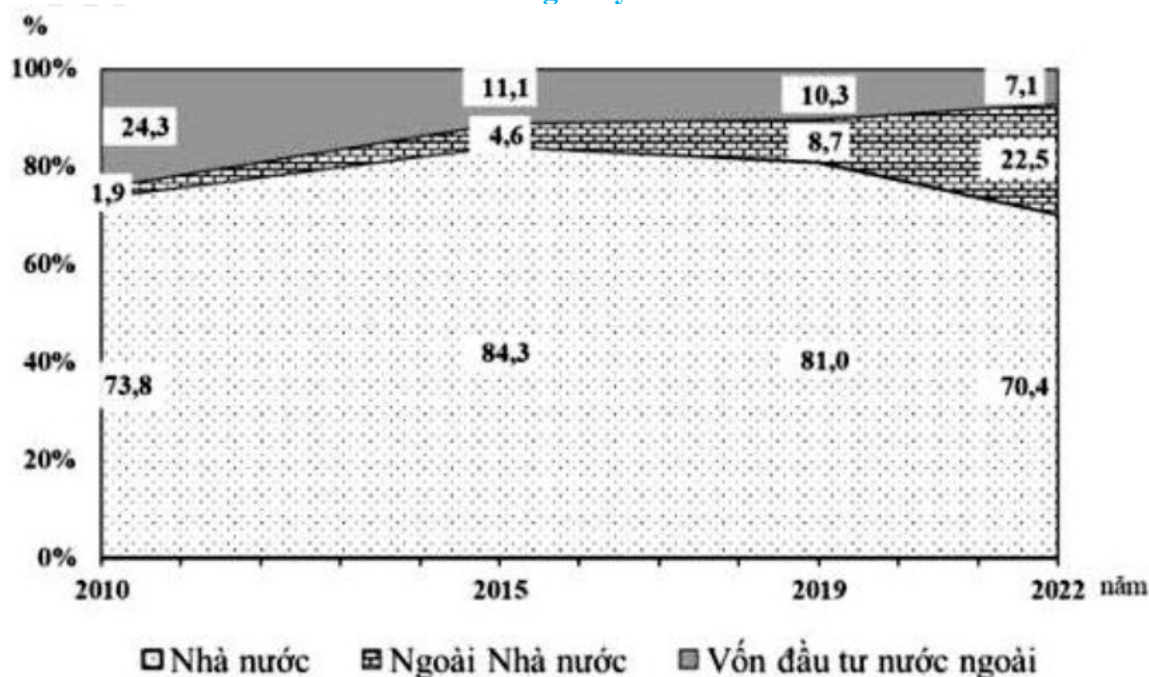
Câu 15: Phát biểu nào sau đây đúng về phát triển vùng ở nước ta hiện nay?

- A. Thành lập bốn vùng kinh tế trọng điểm. B. Ngành du lịch được chia làm tám vùng.
C. Cả nước có bảy vùng kinh tế - xã hội. D. Cả nước có tất cả sáu vùng nông nghiệp.

Câu 16: Nguyên nhân quan trọng nhất làm cho Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất cả nước là

- A. vị trí địa lí thuận lợi, khí hậu ôn hòa, có diện tích đất phù sa màu mỡ.
B. trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao, công nghiệp, dịch vụ phát triển.
C. lịch sử khai thác lâu đời, giao thông hoàn thiện, nông nghiệp phát triển.
D. có địa hình bằng phẳng, nguồn nước rất dồi dào, thâm canh lúa nước.

Câu 17: Cho biểu đồ sau:



Cơ cấu sản lượng điện phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 - 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, 2023. Nxb Thống kê năm 2024)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Tỉ trọng khu vực vốn đầu tư nước ngoài và Ngoài nhà nước giảm.
- B. Vào năm 2022, khu vực ngoài Nhà nước chiếm tỉ trọng nhỏ nhất.
- C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất.
- D. Khu vực Nhà nước luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất ở giai đoạn trên.

Câu 18: Trở ngại lớn trong sử dụng tự nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. nhịp điệu mùa của khí hậu, sông ngòi thất thường, thời tiết không ổn định.
- B. bão, lũ, trượt lở đất, hạn hán, gió phơn khô nóng diễn ra thường xuyên,
- C. tình trạng xói mòn, rửa trôi đất, thiếu nước nghiêm trọng về mùa khô.
- D. nạn cát bay, cát cháy lấn chiếm đồng ruộng, làm hoang mạc hóa đất đai.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Nước ta có nhiều lợi thế để phát triển giao thông vận tải đường biển. Trong thời gian gần đây, do kinh tế phát triển và quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng nên giao thông vận tải đường biển được chú trọng đầu tư và phát triển nhanh chóng. Các cảng được xây dựng mới, nâng cấp theo hướng hiện đại

về phương tiện vận tải và năng lực quản lí. Trên cả nước đã hình thành nhiều cảng biển quan trọng, ngoài các tuyến vận tải nội địa, còn hình thành nhiều tuyến vận tải quốc tế.

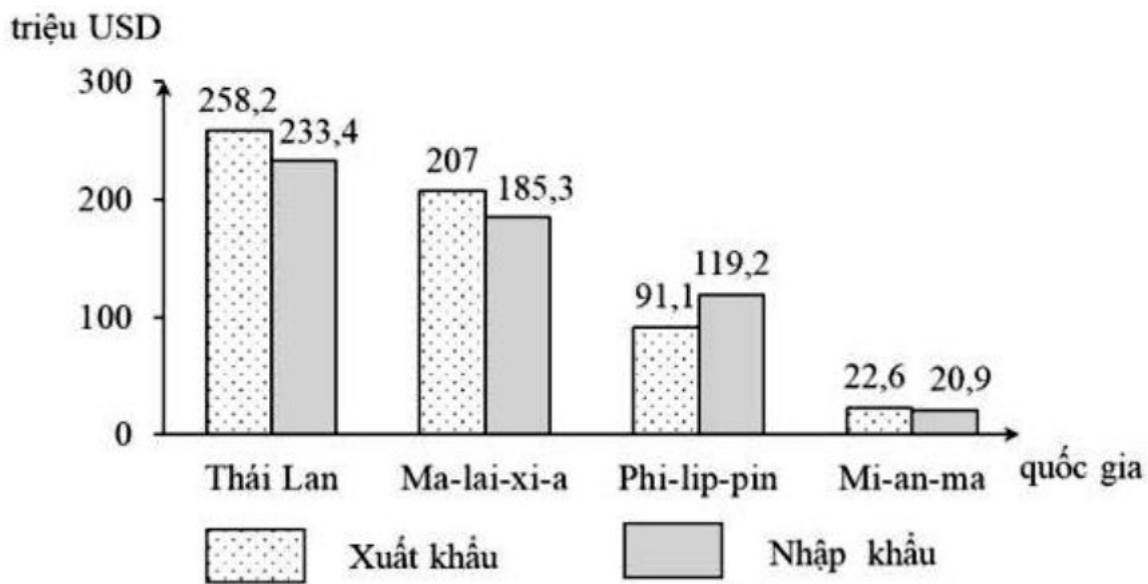
a) Việt Nam đã thiết lập mạng lưới đường biển quốc tế đi đến tất cả các cảng biển của các nước trên thế giới.

b) Đường bờ biển dài, nhiều vũng vịnh, gần các tuyến đường vận tải biển quốc tế tạo thuận lợi cho nước ta phát triển giao thông vận tải biển.

c) Các cảng biển quan trọng của nước ta hiện nay là Hải Phòng, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh.

d) Sự phát triển của hệ thống đường sắt và đường bộ đã góp phần vào sự phát triển ngày càng mạnh hơn của hệ thống vận tải đường biển.

Câu 2: Cho biểu đồ sau:



4

Biểu đồ trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của một số quốc gia năm 2022

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

a) Giá trị xuất khẩu của Mi-an-ma lớn hơn giá trị xuất khẩu của các nước còn lại.

b) Cán cân thương mại của Ma-lai-xi-a năm 2022 đạt âm 21,7 triệu USD.

c) Thái Lan, Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin đều là những nước xuất siêu.

d) Tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của Thái Lan lớn gấp 11,3 lần so với Mi-an-ma.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Trong những năm gần đây ngành công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng đã phát triển nhanh chóng. Tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp năm 2020 và 2021 so với cả nước lần lượt là 36,1% và 37,9%, trong khi đó một vùng có công nghiệp phát triển mạnh khác như Đông Nam Bộ chỉ chiếm 33,8% và

31%. Công nghiệp phát triển giúp đẩy nhanh sự tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và giải quyết tốt những vấn đề do sức ép dân số gây nên. Tuy nhiên cũng cần hạn chế các hậu quả do nó gây nên.

a) Giá trị sản xuất công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng năm 2020 và 2021 đứng đầu trong các vùng của cả nước.

b) Công nghiệp phát triển nhanh đã giúp giải quyết tốt những vấn đề nảy sinh về lao động và việc làm do đặc điểm của nền nông nghiệp lúa nước gây ra.

c) Hiện nay, sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu dựa trên các lợi thế về tài nguyên thiên nhiên.

d) Trong giai đoạn tiếp theo, định hướng chính của vùng là đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động để giải quyết tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm, hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Đặc điểm chung của địa hình là núi xen kẽ thung lũng sông theo hướng tây bắc – đông nam, lan sát ra phía biển, trong khi đồng bằng chủ yếu là hẹp ngang, ven biển có nhiều cồn cát đầm phá. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, có mùa đông nhưng ngắn và ít sâu sắc, mùa mưa có sự phân hóa theo chiều bắc - nam.⁵

a) Phía Bắc của miền có mưa tập trung vào mùa hạ, phía nam của miền có mưa tập trung về thu đông.

b) Miền có mùa đông ngắn ít sâu sắc hơn là do sự suy giảm của gió mùa Đông Bắc khi xuống phía nam và qua các dãy núi cao.

c) Nội dung trên thể hiện đặc điểm của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

d) Thực vật của miền chủ yếu là các loài cận nhiệt và ôn đới như các cây lãnh sam, thiết sam, tre và trúc lùn.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 57,7 tỉ USD, trong khi đó kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc về Việt Nam đạt 117,8 tỉ USD. Hãy cho biết cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo địa phương năm 2022

	Cả nước	Đồng bằng sông Hồng	Đông Nam Bộ
--	---------	---------------------	-------------

Khối lượng hàng hóa vận chuyển (triệu tấn)	1968,1	737,6	358,8
---	--------	-------	-------

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2023, Nxb Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng hàng hóa vận chuyển của vùng Đồng bằng sông Hồng trong tổng khối lượng hàng hóa của cả nước lớn hơn vùng Đông Nam Bộ bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Số giờ nắng các tháng năm 2023 tại trạm quan trắc Cà Mau

(Đơn vị: giờ)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Số giờ nắng	115,3	163,5	266,3	213,1	182,6	141,7	105,5	220,9	89,1	145,1	112,4	161,2

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng số giờ nắng năm 2023 tại trạm quan trắc Cà Mau là bao nhiêu giờ (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng năm 2023 tại một số trạm quan trắc

(Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Trạm	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Tuyên Quang	16,9	20,4	22,3	25,5	29,1	29,8	30,4	28,6	28,3	26,2	22,8	19,0
Quy Nhơn	23,2	24,7	25,5	28,4	29,8	30,7	30,3	31,4	29,9	28,1	26,6	25,4

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết chênh lệch về biên độ nhiệt trung bình năm giữa trạm quan trắc có biên độ nhiệt độ trung bình cao với trạm quan trắc có biên độ nhiệt độ trung bình năm thấp là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5: Năm 2022, nước ta có số dân nam là 49 586,9 nghìn người, số dân nữ là 49 881,0 nghìn người. Hãy cho biết tỉ số giới tính của dân số nước ta là bao nhiêu nam/100 nữ (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Diện tích rừng của nước ta giai đoạn 2010 - 2022

Năm	2010	2022
Tổng diện tích rừng (km ²)	133.900	147.901
Diện tích đất tự nhiên (km ²)	331.000	331.000

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2023; Nxb Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết độ che phủ rừng của nước ta năm 2022 tăng lên bao nhiêu

% so với năm 2010 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

7

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BÀ RỊA – VŨNG TÀU
ĐỀ THI THAM KHẢO**

**KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN THI: ĐỊA LÍ**

(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề)

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.C	2.A	3.B	4.B	5.D	6.A	7.C	8.A	9.B	10.A
11.C	12.B	13.D	14.D	15.A	16.C	17.D	18.A		

Câu 1: Trung du và miền núi Bắc Bộ **không** có thế mạnh về khai thác

- A. quặng kim loại. B. các loại đá. **C. dầu và khí.** D. quặng phi kim.

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh phát triển kinh tế Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Trung du và miền núi Bắc Bộ **không** có thế mạnh về khai thác dầu và khí. Dầu và khí phân bố chủ yếu ở thềm lục địa, đây là vùng không giáp biển.

Chọn C.

Câu 2: Ở nước ta hiện nay, hoạt động khai thác hải sản đang được đẩy mạnh ở

- A. vùng biển xa bờ.** B. vùng biển ven bờ. C. những đầm phá. D. tại các sông lớn.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: khai thác.

Dựa vào ngành thủy sản của nước ta.

Cách giải:

Ở nước ta hiện nay, hoạt động khai thác hải sản đang được đẩy mạnh ở vùng biển xa bờ.

B sai vì vùng biển ven bờ đang bị suy giảm nguồn lợi thủy sản nên cần đẩy mạnh khai thác xa bờ.

C, D sai vì đó là các điều kiện thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản.

Chọn A.

Câu 3: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng về hoạt động nội thương của nước ta hiện nay?

A. Mạng lưới phân bố rộng khắp.

B. Tập trung chủ yếu ở miền núi.

C. Thương mại điện tử phát triển.

D. Đã thu hút được vốn nước ngoài.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành thương mại nước ta (phần hoạt động nội thương).

Cách giải:

Đặc điểm **không** đúng về hoạt động nội thương của nước ta hiện nay là tập trung chủ yếu ở miền núi. Hoạt động nội thương ở nước ta phát triển mạnh ở đồng bằng, các đô thị lớn; ở khu vực miền núi do dân cư thưa thớt, điều kiện sống thấp hơn nên hoạt động nội thương kém phát triển hơn.

Chọn B.

Câu 4: Ở nước ta hiện nay, số lượt khách du lịch trong nước ngày càng tăng chủ yếu do

A. tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng.

B. mức sống của người dân ngày càng tăng.

C. cơ sở hạ tầng du lịch ngày càng hoàn thiện.

D. đẩy mạnh sự quảng bá của ngành du lịch.

Câu 4 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào ngành du lịch nước ta.

Cách giải:

Ở nước ta hiện nay, số lượt khách du lịch trong nước ngày càng tăng chủ yếu do mức sống của người dân ngày càng tăng. Đây là yếu tố then chốt, khi thu nhập của người dân tăng lên, họ có nhiều khả năng chi trả cho các hoạt động du lịch, bao gồm cả đi lại, ăn ở và vui chơi giải trí.

A sai vì đây là các tiềm năng du lịch, là điều kiện giúp nước ta phát triển đa dạng loại hình du lịch.

C sai vì cơ sở hạ tầng (giao thông, khách sạn, dịch vụ...) phát triển tạo điều kiện thuận lợi hơn cho phát triển du lịch, không phải là nguyên nhân chủ yếu giúp số lượt khách du lịch trong nước ngày càng tăng.

D sai vì các hoạt động quảng bá có thể kích thích nhu cầu du lịch, nhưng hiệu quả của chúng sẽ hạn chế nếu người dân không có đủ khả năng tài chính để thực hiện các chuyến đi.

Chọn B.

Câu 5: Cảng nước sâu nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Cái Mép.

B. Vũng Áng.

C. Nghi Sơn.

D. Dung Quất.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào các ngành kinh tế biển Duyên hải Nam Trung Bộ (phần ngành giao thông vận tải biển).

Cách giải:

Cảng Dung Quất (Quảng Ngãi) là cảng nước sâu thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ.

A, B, C sai vì cảng Cái Mép ở Bà Rịa – Vũng Tàu (Đông Nam Bộ); cảng Vũng Áng ở Hà Tĩnh (Bắc Trung Bộ); cảng Nghi Sơn ở Thanh Hóa (Bắc Trung Bộ).

Chọn D.

Câu 6: Công nghiệp sản xuất đồ uống của nước ta phân bố chủ yếu ở

A. đô thị lớn.

B. trung du.

C. ven biển.

D. nông thôn.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm và sản xuất đồ uống.

Cách giải:

Công nghiệp sản xuất đồ uống của nước ta phân bố chủ yếu ở đô thị lớn do thị trường rộng lớn, nhu cầu tiêu dùng cao.

Chọn A.

Câu 7: Nguồn lao động nước ta hiện nay có đặc điểm

A. phân bố đồng đều.

B. năng suất rất cao.

C. cần cù và sáng tạo.

D. chất lượng rất cao.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm lao động nước ta.

Cách giải:

Nguồn lao động nước ta hiện nay có đặc điểm cần cù và sáng tạo.

A, B, D sai vì nguồn lao động nước ta phân bố không đều, năng suất và chất lượng ngày càng cao.

Chọn C.

Câu 8: Các đô thị nước ta hiện nay

A. phát triển rộng khắp.

B. thưa thớt ở đồng bằng.

C. dày đặc ở vùng đồi núi.

D. chưa có ở các hải đảo.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào mạng lưới đô thị.

Cách giải:

Các đô thị nước ta hiện nay phát triển rộng khắp.

Chọn A.

Câu 9: Đồng bằng sông Hồng là vùng có

A. mật độ dân số thấp. **B. số lượng dân đông.** **C. tỉ lệ nông thôn nhỏ.** **D. nguồn lao động ít.**

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào khái quát vùng Đồng bằng sông Hồng (phần dân số).

Cách giải:

Đồng bằng sông Hồng là vùng có số lượng dân đông.

A, C, D sai vì Đồng bằng sông Hồng là vùng có mật độ dân số cao nhất cả nước, tỉ lệ dân nông thôn còn cao (năm 2021 là 62,4%), nguồn lao động dồi dào.

Chọn B.

Câu 10: Hai vùng chuyên canh cây lương thực lớn nhất nước ta là

A. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Trung du miền núi Bắc Bộ, Duyên hải miền Trung.

C. Đồng bằng sông Cửu Long và vùng Bắc Trung Bộ.

D. Đồng bằng sông Hồng, Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành nông nghiệp nước ta (phần ngành trồng trọt).

Cách giải:

Hai vùng chuyên canh cây lương thực lớn nhất nước ta là Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.

Đây là hai vùng có diện tích đất phù sa màu mỡ lớn nhất nước ta.

Chọn A.

Câu 11: Vùng đất của nước ta bao gồm phần đất liền và

2 A. vùng nội thủy.

B. thềm lục địa.

C. các hải đảo.

D. đảo ven bờ.

Câu 11 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta.

Cách giải:

Vùng đất của nước ta bao gồm phần đất liền và các hải đảo.

Chọn C.

Câu 12: Trong các tuyến đường quốc lộ sau, tuyến nào theo chiều bắc - nam?

A. Quốc lộ 9.

B. Quốc lộ 1.

C. Quốc lộ 7.

D. Quốc lộ 8.

Câu 12 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào ngành giao thông vận tải nước ta (phần giao thông vận tải đường bộ) hoặc dựa vào bản đồ giao thông vận tải nước ta.

Cách giải:

Quốc lộ 1 là tuyến quốc lộ chạy theo chiều bắc – nam, chạy từ Lạng Sơn đến Cà Mau.

Các tuyến quốc lộ 7, 8, 9 là tuyến đường ngang, chạy theo chiều đông – tây.

Chọn B.

Câu 13: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa **không** đem lại thuận lợi nào sau đây đối với phát triển kinh tế?

- A. Là cơ sở hình thành nhiều loại hình du lịch khác nhau.
- B. Tạo nên sự đa dạng trong cơ cấu cây trồng, vật nuôi.
- C. Tăng hiệu quả trồng rừng, phục hồi độ che phủ rừng.
- D. Giúp cho năng suất, chất lượng nông sản luôn ổn định.**

Câu 13 (TH):0

Phương pháp:

Dựa vào ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất, đời sống.

Cách giải:

Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa **không** đem lại thuận lợi: giúp cho năng suất, chất lượng nông sản luôn ổn định. Sự thất thường của thời tiết, khí hậu, chế độ dòng chảy sông ngòi thường gây khó khăn cho sản xuất, đặc biệt là điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thời vụ sản xuất. Nhiệt và ẩm cao cũng tiềm ẩn nguy cơ thiên tai, dịch bệnh khiến sản xuất bấp bênh, dễ gặp rủi ro,...

Chọn D.

Câu 14: Dải đồng bằng ven biển của Bắc Trung Bộ thuận lợi để phát triển

- A. chăn nuôi đại gia súc và khai thác lâm sản.
- B. khai thác hải sản, xây dựng các cảng biển.
- C. cây ăn quả và các cây công nghiệp lâu năm.
- D. cây lương thực, cây công nghiệp hàng năm.**

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh, hạn chế để hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản Bắc Trung Bộ.

Cách giải:

Dải đồng bằng ven biển của Bắc Trung Bộ thuận lợi để phát triển cây lương thực, cây công nghiệp hàng năm vì khu vực này có đất phù sa và đất cát pha.

A, D sai vì vùng đồi núi phía tây Bắc Trung Bộ mới là khu vực có điều kiện thuận lợi cho chăn nuôi đại gia súc, khai thác lâm sản, trồng cây ăn quả.

B sai vì ven biển và vùng biển mới là khu vực có điều kiện thuận lợi để khai thác hải sản, xây dựng các cảng biển.

Chọn D.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây đúng về phát triển vùng ở nước ta hiện nay?

- A.** Thành lập bốn vùng kinh tế trọng điểm. **B.** Ngành du lịch được chia làm tám vùng.
C. Cả nước có bảy vùng kinh tế - xã hội. **D.** Cả nước có tất cả sáu vùng nông nghiệp.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào các vùng kinh tế trọng điểm, ngành du lịch, nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Cách giải:

Thành lập bốn vùng kinh tế trọng điểm là phát biểu đúng về phát triển vùng ở nước ta hiện nay. 4 vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta là: vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Hồng.

B, C, D sai vì nước ta có 7 vùng du lịch, 6 vùng kinh tế - xã hội, 7 vùng nông nghiệp.

Chọn A.

Câu 16: Nguyên nhân quan trọng nhất làm cho Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất cả nước là

- A.** vị trí địa lí thuận lợi, khí hậu ôn hòa, có diện tích đất phù sa màu mỡ.
B. trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao, công nghiệp, dịch vụ phát triển.
C. lịch sử khai thác lâu đời, giao thông hoàn thiện, nông nghiệp phát triển.
D. có địa hình bằng phẳng, nguồn nước rất dồi dào, thâm canh lúa nước.

Câu 16 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào các điều kiện giúp Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất cả nước.

Cần chú ý đến lịch sử.

Cách giải:

Nguyên nhân quan trọng nhất làm cho Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất cả nước là lịch sử khai thác lâu đời, giao thông hoàn thiện, nông nghiệp phát triển.

- Lịch sử khai thác lâu đời: Đồng bằng sông Hồng là một trong những vùng đất được khai phá sớm nhất ở Việt Nam. Quá trình định cư và phát triển liên tục qua nhiều thế kỷ đã dẫn đến sự tập trung dân cư lớn.

- Giao thông hoàn thiện: giúp thu hút dân cư từ các vùng khác đến sinh sống và làm việc.

- Nông nghiệp phát triển: đất phù sa màu mỡ và nguồn nước dồi dào từ sông Hồng tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa nước. Nền nông nghiệp trù phú đã nuôi sống một lượng lớn dân cư và thu hút người dân từ các nơi.

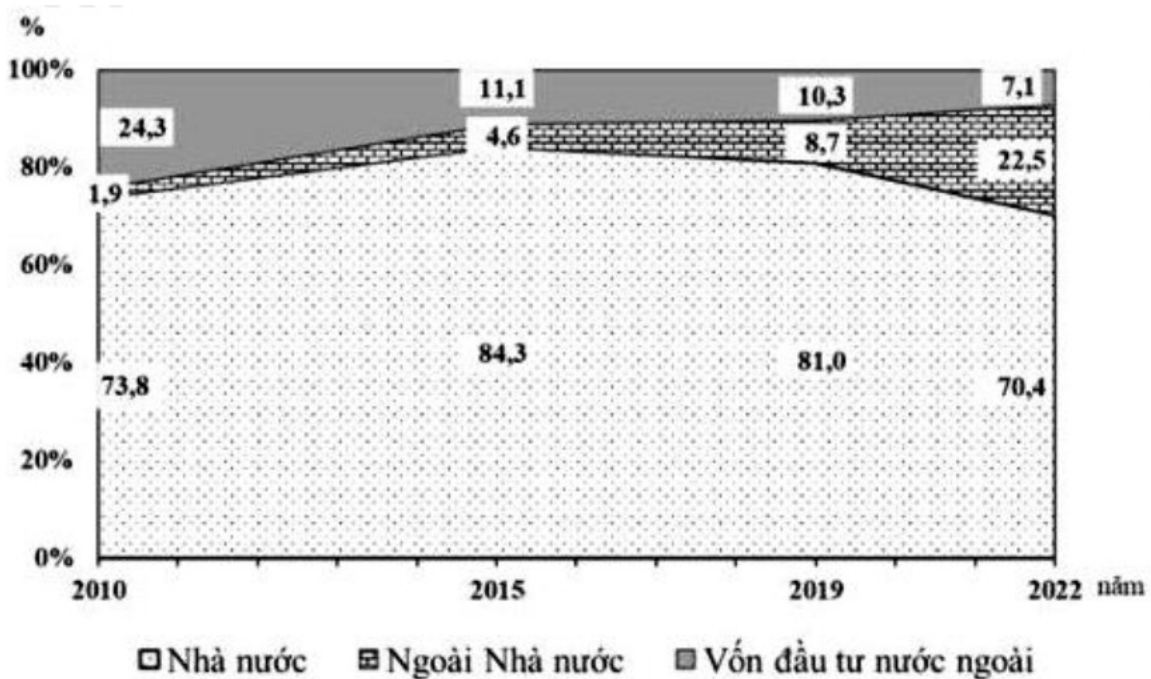
A sai vì mặc dù đó là những điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sự sống và phát triển kinh tế, nhưng không trực tiếp quyết định mật độ dân số cao nhất.

B sai vì đây là yếu tố thu hút lao động từ khắp nơi đến các đô thị lớn trong thời gian gần đây, không phải là nguyên nhân chính cho mật độ dân số cao trên toàn bộ khu vực, bao gồm cả các vùng nông thôn.

D sai vì đây là những điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp phát triển, lịch sử khai thác lâu đời mới là điều kiện quan trọng nhất cho việc hình thành và duy trì mật độ dân số cao nhất cả nước.

Chọn C.

Câu 17: Cho biểu đồ sau:



Cơ cấu sản lượng điện phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 - 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, 2023. Nxb Thống kê năm 2024)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Tỷ trọng khu vực vốn đầu tư nước ngoài và Ngoài nhà nước giảm.
- B. Vào năm 2022, khu vực ngoài Nhà nước chiếm tỷ trọng nhỏ nhất.
- C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất.
- D. Khu vực Nhà nước luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất ở giai đoạn trên.**

Câu 17 (TH):**Phương pháp:**

Dựa vào tỉ trọng sản lượng điện của Nhà nước, ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giai đoạn 2010 – 2022. Lựa chọn nhận xét đúng.

Cách giải:

Khu vực Nhà nước luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất ở giai đoạn trên là nhận xét đúng. Dựa vào biểu đồ, ta có thể thấy khu vực Nhà nước luôn chiếm từ 70,4% đến 84,3% trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta.

A sai vì tỉ trọng khu vực vốn đầu tư nước ngoài và Ngoài nhà nước tăng.

B sai vì vào năm 2022, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỉ trọng nhỏ nhất.

C sai vì khu vực Nhà nước luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất.

Chọn D.

Câu 18: Trở ngại lớn trong sử dụng tự nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

A. nhịp điệu mùa của khí hậu, sông ngòi thất thường, thời tiết không ổn định.

B. bão, lũ, trượt lở đất, hạn hán, gió phơn khô nóng diễn ra thường xuyên,

C. tình trạng xói mòn, rửa trôi đất, thiếu nước nghiêm trọng về mùa khô.

D. nạn cát bay, cát cháy lấn chiếm đồng ruộng, làm hoang mạc hóa đất đai.

Câu 18 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm các miền địa lí tự nhiên (phần miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ).

Cách giải:

Trở ngại lớn trong sử dụng tự nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là nhịp điệu mùa của khí hậu, sông ngòi thất thường, thời tiết không ổn định.

- Nhịp điệu mùa của khí hậu: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với mùa đông lạnh và khô, mùa hè nóng ẩm và mưa nhiều. Sự khác biệt rõ rệt giữa các mùa ảnh hưởng lớn đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và du lịch. Việc canh tác phải thích ứng với từng mùa, đôi khi thời tiết khắc nghiệt của mùa đông (rét đậm, rét hại) gây thiệt hại cho cây trồng và vật nuôi.

- Sông ngòi thất thường: chế độ nước của sông ngòi phụ thuộc lớn vào lượng mưa theo mùa. Mùa mưa lũ, sông ngòi có lưu lượng lớn, dễ gây ngập lụt. Mùa khô, mực nước sông xuống thấp, gây khó khăn cho tưới tiêu và giao thông đường thủy.

- Thời tiết không ổn định: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ thường xuyên chịu ảnh hưởng của các hiện tượng thời tiết cực đoan như mưa lớn, bão, sương muối,... gây khó khăn và thiệt hại cho sản xuất và đời sống.

Chọn A.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	SĐĐĐ	SSSĐ	ĐĐSS	ĐĐĐS

Câu 1: Cho thông tin sau:

Nước ta có nhiều lợi thế để phát triển giao thông vận tải đường biển. Trong thời gian gần đây, do kinh tế phát triển và quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng nên giao thông vận tải đường biển được chú trọng đầu tư và phát triển nhanh chóng. Các cảng được xây dựng mới, nâng cấp theo hướng hiện đại về phương tiện vận tải và năng lực quản lý. Trên cả nước đã hình thành nhiều cảng biển quan trọng, ngoài các tuyến vận tải nội địa, còn hình thành nhiều tuyến vận tải quốc tế.

a) Việt Nam đã thiết lập mạng lưới đường biển quốc tế đi đến tất cả các cảng biển của các nước trên thế giới.

b) Đường bờ biển dài, nhiều vũng vịnh, gần các tuyến đường vận tải biển quốc tế tạo thuận lợi cho nước ta phát triển giao thông vận tải biển.

c) Các cảng biển quan trọng của nước ta hiện nay là Hải Phòng, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh.

d) Sự phát triển của hệ thống đường sắt và đường bộ đã góp phần vào sự phát triển ngày càng mạnh hơn của hệ thống vận tải đường biển.

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung ngành giao thông vận tải đường biển.

Cách giải:

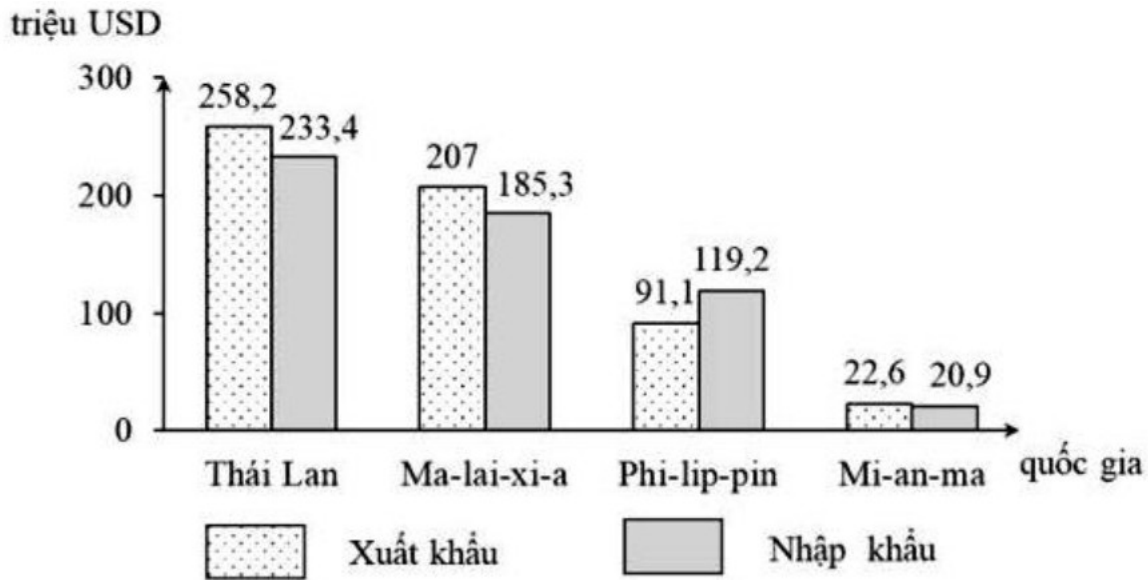
a) Sai. Nước ta chỉ hình thành nhiều tuyến vận tải quốc tế, chưa thiết lập mạng lưới đường biển quốc tế đi đến tất cả các cảng biển của các nước trên thế giới.

b) Đúng.

c) Đúng.

d) Đúng. Hệ thống đường sắt và đường bộ phát triển giúp việc vận chuyển hàng hóa đến và đi từ các cảng biển trở nên thuận tiện hơn, từ đó thúc đẩy sự phát triển của vận tải đường biển. Đây là một yếu tố quan trọng trong việc hoàn thiện hệ thống logistics và nâng cao hiệu quả của vận tải biển.

Câu 2: Cho biểu đồ sau:



4

Biểu đồ trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của một số quốc gia năm 2022

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

- Giá trị xuất khẩu của Mi-an-ma lớn hơn giá trị xuất khẩu của các nước còn lại.
- Cán cân thương mại của Ma-lai-xi-a năm 2022 đạt âm 21,7 triệu USD.
- Thái Lan, Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin đều là những nước xuất siêu.
- Tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của Thái Lan lớn gấp 11,3 lần so với Mi-an-ma.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

a) Dựa vào biểu đồ.

b) Dựa vào công thức:

Cán cân thương mại = Giá trị xuất khẩu – Giá trị nhập khẩu

c) Cần hiểu rõ xuất siêu là giá trị xuất khẩu lớn hơn giá trị nhập khẩu.

d) Dựa vào công thức:

Tổng giá trị xuất, nhập khẩu = Giá trị xuất khẩu + Giá trị nhập khẩu

Cách giải:

a) Sai. Dựa vào biểu đồ ta thấy giá trị xuất khẩu của Thái Lan lớn hơn giá trị xuất khẩu của các nước

còn lại.3

- b) Sai. Cán cân thương mại của Ma-lai-xi-a năm 2022 đạt: $207 - 185,3 = 21,7$ triệu USD.
- c) Sai. Phi-lip-pin là quốc gia nhập siêu do có giá trị nhập khẩu lớn hơn giá trị xuất khẩu.
- d) Đúng. So với Mi-an-ma, tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của Thái Lan lớn gấp:
 $(258,2 + 233,4) / (22,6 + 20,9) = 11,3$ lần

Câu 3: Cho thông tin sau:

Trong những năm gần đây ngành công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng đã phát triển nhanh chóng. Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp năm 2020 và 2021 so với cả nước lần lượt là 36,1% và 37,9%, trong khi đó một vùng có công nghiệp phát triển mạnh khác như Đông Nam Bộ chỉ chiếm 33,8% và 31%. Công nghiệp phát triển giúp đẩy nhanh sự tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và giải quyết tốt những vấn đề do sức ép dân số gây nên. Tuy nhiên cũng cần hạn chế các hậu quả do nó gây nên.

- a) Giá trị sản xuất công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng năm 2020 và 2021 đứng đầu trong các vùng của cả nước.
- b) Công nghiệp phát triển nhanh đã giúp giải quyết tốt những vấn đề nảy sinh về lao động và việc làm do đặc điểm của nền nông nghiệp lúa nước gây ra.
- c) Hiện nay, sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu dựa trên các lợi thế về tài nguyên thiên nhiên.
- d) Trong giai đoạn tiếp theo, định hướng chính của vùng là đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động để giải quyết tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm, hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung về một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Hồng (phần ngành công nghiệp).

Cách giải:

- a) Đúng. Đoạn thông tin có đề cập: “Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp năm 2020 và 2021 so với cả nước lần lượt là 36,1% và 37,9%, trong khi đó một vùng có công nghiệp phát triển mạnh khác như Đông Nam Bộ chỉ chiếm 33,8% và 31%.”
- b) Đúng. Đoạn thông tin có đề cập: “Công nghiệp phát triển giúp đẩy nhanh sự tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và giải quyết tốt những vấn đề do sức ép dân số gây nên.”, trong đó có

vấn đề về lao động và việc làm.

c) Sai. Hiện nay, sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu dựa trên các lợi thế về trình độ khoa học công nghệ, vốn đầu tư, lao động, thị trường.

d) Sai. Trong giai đoạn tiếp theo, định hướng chính của vùng là đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, có sức cạnh tranh cao, hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Đặc điểm chung của địa hình là núi xen kẽ thung lũng sông theo hướng tây bắc – đông nam, lan sát ra phía biển, trong khi đồng bằng chủ yếu là hẹp ngang, ven biển có nhiều cồn cát đầm phá. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, có mùa đông nhưng ngắn và ít sâu sắc, mùa mưa có sự phân hóa theo chiều bắc - nam.⁵

a) Phía Bắc của miền có mưa tập trung vào mùa hạ, phía nam của miền có mưa tập trung về thu đông.

b) Miền có mùa đông ngắn ít sâu sắc hơn là do sự suy giảm của gió mùa Đông Bắc khi xuống phía nam và qua các dãy núi cao.

c) Nội dung trên thể hiện đặc điểm của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

d) Thực vật của miền chủ yếu là các loài cận nhiệt và ôn đới như các cây lãnh sam, thiết sam, tre và trúc lùn.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Xác định đoạn thông tin thể hiện đặc điểm của miền địa lý tự nhiên nào dựa vào các từ khóa: núi xen kẽ thung lũng sông theo hướng tây bắc – đông nam, đồng bằng hẹp ngang, ven biển là cồn cát, đầm phá, mùa đông nhưng ngắn và ít sâu sắc.

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung về đặc điểm các miền địa lý tự nhiên.

Cách giải:

a) Đúng. Dựa vào các từ khóa: núi xen kẽ thung lũng sông theo hướng tây bắc – đông nam, đồng bằng hẹp ngang, ven biển là cồn cát, đầm phá, mùa đông nhưng ngắn và ít sâu sắc => Đoạn thông tin thể hiện đặc điểm miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

Đoạn thông tin đề cập: "mùa mưa có sự phân hóa theo chiều bắc nam" cho thấy khu vực này chịu ảnh hưởng của gió mùa hạ gây mưa lớn vào mùa hè, trong khi khu vực phía nam của miền có mưa lớn vào thu đông do ảnh hưởng của các áp thấp nhiệt đới và gió mùa Đông Bắc gây ra.

b) Đúng. Gió mùa Đông Bắc khi di chuyển xuống phía nam sẽ suy yếu về cường độ và gần như bị

chặn lại ở dãy Bạch Mã; phần phía Tây Bắc do địa hình dãy Hoàng Liên Sơn cao và chạy theo hướng tây bắc – đông nam đã làm ngăn cản sự xâm nhập của gió mùa Đông Bắc, dẫn đến mùa đông ở khu vực này ngắn hơn và ít lạnh hơn so với miền Bắc.

c) Đúng. Dựa vào phân tích của ý a.

d) Sai. Thực vật của miền chủ yếu là các loài nhiệt đới, ở khu vực núi cao phổ biến các loài sinh vật cận nhiệt và ôn đới.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	-60	19,2	1917	5,3	99,4	4,2

Câu 1: Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 57,7 tỉ USD, trong khi đó kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc về Việt Nam đạt 117,8 tỉ USD. Hãy cho biết cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Cán cân thương mại = Giá trị xuất khẩu – Giá trị nhập khẩu

Cách giải:

Cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc là: $57,7 - 117,8 = -60,1 \approx -60$ tỉ USD.

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo địa phương năm 2022

	Cả nước	Đồng bằng sông Hồng	Đông Nam Bộ
Khối lượng hàng hóa vận chuyển (triệu tấn)	1968,1	737,6	358,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2023, Nxb Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng hàng hóa vận chuyển của vùng Đồng bằng sông Hồng trong tổng khối lượng hàng hóa của cả nước lớn hơn vùng Đông Nam Bộ bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần} / \text{Tổng giá trị}) * 100$$

Cách giải:

Tỉ trọng hàng hóa vận chuyển của vùng Đồng bằng sông Hồng trong tổng khối lượng hàng hóa của cả nước lớn hơn vùng Đông Nam Bộ:

$$[(737,6/1968,1)*100] - [(358,8/1968,1)*100] = 19,2\%$$

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Số giờ nắng các tháng năm 2023 tại trạm quan trắc Cà Mau

(Đơn vị: giờ)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Số giờ nắng	115,3	163,5	266,3	213,1	182,6	141,7	105,5	220,9	89,1	145,1	112,4	161,2

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng số giờ nắng năm 2023 tại trạm quan trắc Cà Mau là bao nhiêu giờ (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Tổng số giờ nắng} = \text{số giờ nắng tháng 1} + \text{số giờ nắng tháng 2} + \dots + \text{số giờ nắng tháng 12.}$$

Cách giải:

Tổng số giờ nắng năm 2023 tại trạm quan trắc Cà Mau là:

$$115,3 + 163,5 + \dots + 161,2 = 1917 \text{ mm}$$

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng năm 2023 tại một số trạm quan trắc

(Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Trạm												
Tuyên Quang	16,9	20,4	22,3	25,5	29,1	29,8	30,4	28,6	28,3	26,2	22,8	19,0
Quy Nhơn	23,2	24,7	25,5	28,4	29,8	30,7	30,3	31,4	29,9	28,1	26,6	25,4

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết chênh lệch về biên độ nhiệt trung bình năm giữa trạm

quan trắc có biên độ nhiệt độ trung bình cao với trạm quan trắc có biên độ nhiệt độ trung bình năm thấp là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Biên độ nhiệt = Nhiệt độ tháng cao nhất – Nhiệt độ tháng thấp nhất.

Cách giải:

Chênh lệch về biên độ nhiệt trung bình năm giữa trạm quan trắc có biên độ nhiệt độ trung bình cao với trạm quan trắc có biên độ nhiệt độ trung bình năm thấp là:

$$(30,4 - 16,9) - (30,7 - 23,2) = 5,3^{\circ}\text{C}$$

Câu 5: Năm 2022, nước ta có số dân nam là 49 586,9 nghìn người, số dân nữ là 49 881,0 nghìn người. Hãy cho biết tỉ số giới tính của dân số nước ta là bao nhiêu nam/100 nữ (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Tỉ số giới tính} = (\text{Số dân nam} / \text{Số dân nữ}) * 100$$

Cách giải:

Tỉ số giới tính của dân số nước ta là:

$$(49\,586,9 / 49\,881,0) * 100 = 99,4 \text{ nam/100 nữ}$$

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Diện tích rừng của nước ta giai đoạn 2010 - 2022

Năm	2010	2022
Tổng diện tích rừng (km ²)	133.900	147.901
Diện tích đất tự nhiên (km ²)	331.000	331.000

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2023; Nxb Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết độ che phủ rừng của nước ta năm 2022 tăng lên bao nhiêu % so với năm 2010 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Độ che phủ rừng = (Diện tích rừng/Diện tích tự nhiên)*100

Cách giải:

So với năm 2010, độ che phủ rừng của nước ta năm 2022 tăng lên:

$$[(147901/331000)*100] - [(133900/331000)*100] = 4,2\%$$

----- HẾT -----